

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nghiêm Đình Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Tiến Toàn

Bà Dương Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ma Thị Thủy, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đức Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Ma Thị Đ, sinh năm 1993

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện B, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện B, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đơn khởi kiện và tại các lời khai, nguyên đơn chị Ma Thị Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 02/3/2015 tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại tổ dân phố P, thị trấn L. Đến tháng 5 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên nói nhau, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ 30/6/2021 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Sau khi ly thân, chị về sống tại thôn B, xã M, huyện B, tỉnh Tuyên Quang. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng sinh được 01 (một) con là cháu Nguyễn Thành Q, sinh ngày 24/10/2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian đăng ký kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như chị Đ trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Đ đi làm công ty từ năm 2018, cả năm 2021 chị Đ đi làm không về nhà, chỉ về nhà duy nhất một lần vào tháng 10/2021 để sinh nhật con và hiện tại cũng không về nhà. Anh T xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Chị Đ yêu cầu được ly hôn, anh T không nhất trí.

- Về con chung: Anh chị sinh được 01 (một) con là cháu Nguyễn Thành Q, sinh ngày 24/10/2016. Khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu Q cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Chị Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

#### **Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

\* **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T thực hiện chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

#### **\* Về nội dung:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành Q, sinh ngày 24/10/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Ma Thị Đ được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

- Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Chị Đ và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Ma Thị Đ, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh T đăng ký kết hôn ngày 02/3/2015 tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, quan hệ giữa hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hợp pháp.

Chị Đ và anh T mâu thuẫn với nhau thời gian dài và sống ly thân không còn quan tâm đến nhau từ tháng 6 năm 2021, nội dung này đều được các bên thừa nhận. Hiện nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị sinh được 01 (một) con là cháu Nguyễn Thành Q, sinh ngày 24/10/2016.

Chị Đ không có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Q và đề nghị giao cháu Q cho anh T nuôi. Anh T có nguyện vọng nuôi cháu Q và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Đ được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có.

[3] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Đ và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị Đ.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành Q, sinh ngày 24/10/2016 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

- Chị Ma Thị Đ được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí:

- Chị Ma Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0001521 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] . Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Ma Thị Đ, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TQ;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L (để ghi Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nghiêm Đình Long**